

Số: 3671 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng (cũ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - QCVN 07:2023/BXD;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt quy hoạch thoát nước thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch



cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng triển khai Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 6485/BXD-HTKT ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến về đề án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-HĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Tư vấn về kiến trúc thành phố Đà Nẵng tại cuộc họp nghe Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng báo cáo đề án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 14/TB-HĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng Thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị về kết quả thẩm định Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 1234/UBND-ĐTĐT ngày 11 tháng 3 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc triển khai Thông báo số 591-TB/TU ngày 29 tháng 2 năm 2024 của Thành ủy Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 3504/UBND-ĐTĐT ngày 06 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc lựa chọn cao trình mực nước thiết kế tại cửa sông Hàn làm cơ sở xác định mực nước tại các cửa xả thoát nước ven biển, ven sông để tính toán thủy lực hệ thống thoát nước thành phố;

Theo đề nghị của Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 1763/TTr-BQL ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc thẩm định đề án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Báo cáo số 12131/BC-SXD ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng về Nội dung thẩm định đề án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12137/TTr-SXD ngày 06 tháng 7 năm 2026 về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND thành phố Đà Nẵng trên phần mềm lấy ý kiến biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng (cũ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng (cũ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phạm vi, đối tượng và giai đoạn lập quy hoạch

- Phạm vi: Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch trên toàn bộ địa giới hành chính thành phố Đà Nẵng (cũ).

Vị trí khu vực bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Đà Nẵng (cũ) có tổng diện tích khoảng 129.046 ha, trong đó diện tích phần đất liền 98.546 ha, diện tích huyện đảo Hoàng Sa 30.500 ha. Ranh giới phần đất liền như sau:

+ Phía Bắc giáp thành phố Huế.

+ Phía Tây và Nam giáp tỉnh Quảng Nam (cũ).

+ Phía Đông giáp biển Đông.

- Đối tượng quy hoạch: Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng (cũ).

- Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Quan điểm và nguyên tắc quy hoạch

- Bảo đảm phù hợp và có tính kế thừa kết quả nghiên cứu của các quy hoạch đã được phê duyệt, cụ thể:

+ Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021;

+ Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 393/QĐ-TTg ngày 18/3/2020.

+ Quy hoạch thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023

+ Quy hoạch thoát nước thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 31/01/2018.

- Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị gắn liền với quy hoạch thoát nước thải đô thị, là một nội dung của quy hoạch xây dựng đô thị và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy

lợi; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành về thủy lợi, đê điều, phòng chống lũ và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

- Căn cứ vào đặc điểm địa hình, địa mạo, điều kiện địa chất thủy văn, điều kiện thực tế và chú ý tận dụng hiện trạng địa hình nhằm tiết kiệm khối lượng đào đắp, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của người dân.

- Xác định cao độ nền không chế nhằm bảo đảm thoát nước mặt thuận lợi, góp phần bảo vệ an toàn cho các công trình xây dựng tại đô thị, nông thôn theo chức năng sử dụng đất đã được phê duyệt; quyết định cho việc phòng chống ngập lụt, ngập úng, tạo nên sự phối hợp hợp lý giữa cao độ nền và hệ thống đường đô thị; bảo đảm tính đồng bộ, kết nối giữa các công trình đường dây, đường ống và đường giao thông,... góp phần quan trọng trong các giải pháp về tổ hợp không gian và tổ chức mặt bằng các công trình kiến trúc với nền đất xây dựng và phù hợp với điều kiện thực tế.

- Khai thác tối đa khả năng và điều kiện thuận lợi tiêu thoát nước tự nhiên như các sông, hồ, đầm, kênh mương hiện có. Xem xét, đánh giá, tận dụng tối đa hệ thống thoát nước mặt hiện trạng để giảm chi phí đầu tư xây dựng.

- Hướng tới phát triển hệ thống thoát nước mặt ổn định, bền vững và trong mối quan hệ tổng thể với quản lý tiêu thoát lũ sông, vùng có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Lựa chọn kết hợp giải pháp quy hoạch cao độ nền với các giải pháp chống ngập lụt khác nhằm hạn chế tối đa khối lượng đào đắp đất san nền.

- Đầu tư đồng bộ san nền với thoát nước mặt để giải quyết cơ bản tình hình ngập lụt, ngập úng vào mùa mưa và cải thiện môi trường.

- Khai thác tối ưu các nguồn lực địa phương, đảm bảo chi phí đầu tư xây dựng và quản lý vận hành tiết kiệm, nhưng vẫn phải đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển hệ thống thoát nước mặt và chống ngập.

4. Mục tiêu quy hoạch

- Nhằm cụ thể hóa định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật trong Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021.

- Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng phù hợp với điều kiện tự nhiên, định hướng phát triển đô thị và đồng bộ với các đồ án quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

- Xác định các giải pháp quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt hợp lý, bao gồm: xác định cao độ san nền từng khu vực cụ thể; giải pháp chống ngập úng, ngập lụt; hành lang thoát lũ của các sông; mạng lưới thoát nước mưa; các hồ điều tiết và trạm bơm chống ngập..., cho toàn bộ khu vực nghiên cứu quy hoạch.

- Góp phần giải quyết tình trạng ngập úng, ngập lụt, cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao điều kiện sống của người dân.

- Làm cơ sở để quản lý nhà nước trong các hoạt động quản lý cao độ nền đô thị; hành lang thoát lũ; chống ngập lụt, ngập úng, thoát nước mặt và đầu tư xây dựng các dự án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Định hướng cho việc lập kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm trong quá trình triển khai, thực hiện.

5. Chỉ tiêu tính toán quy hoạch

a) Cao độ nền

- Mức nước tính toán là mức nước cao nhất có chu kỳ lặp lại theo tần suất $P=10$ năm đối với khu vực cây xanh, công viên, thể dục thể thao và tần suất $P=100$ năm đối với khu vực trung tâm đô thị, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp.

- Cao độ không chế tối thiểu phải cao hơn mức nước tính toán tối thiểu 0,3 m đối với đất dân dụng và 0,5 m đối với đất công nghiệp.

- Đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD và quy hoạch chung đã phê duyệt tại Quyết định số 359/QĐ-TTg ngày 15/3/2021. Sử dụng giải pháp xây dựng, cải tạo nâng cao độ nền hoặc xây dựng nâng cao độ các đỉnh kè hiện trạng dọc sông, ven biển lên đến cao độ mức nước không chế tối thiểu ứng với tần suất $P=1\%$, cộng thêm 0,25m xét đến biến đổi khí hậu và kết hợp với giải pháp bố trí trạm bơm và hồ điều tiết.

+ Đối với các khu đô thị đã hình thành (đô thị cũ): Giữ lại cao trình hiện trạng kết hợp giải pháp cải tạo nâng cao đỉnh kè ven sông và kết hợp bố trí trạm bơm chống ngập để xử lý ngập lụt ứng với tần suất lũ $P=1\%$.

+ Đối với các khu vực đô thị mới: Các khu vực ven sông có cao độ nền xây dựng thấp nhất tối thiểu $P=5\%$ kết hợp giải pháp xây dựng kè ven sông và kết hợp bố trí trạm bơm chống ngập để xử lý ngập lụt ứng với tần suất lũ $P=1\%$.

b) Thoát nước mưa

Chu kỳ lặp lại trận mưa gây tràn cống tối thiểu: $P = 10$ năm đối với mương, $P = 5$ năm đối với cống chính (cống cấp 1), $P = 2$ năm đối với cống nhánh (cống cấp 2).

Hệ số dòng chảy C: $0,50 \div 0,90$ tùy theo từng khu vực.

Điều kiện biên tại các cửa xả khu vực:

- Đối với các cửa xả đổ ra biển và sông Hàn (đoạn từ hợp lưu sông Cẩm Lệ và Vĩnh Điện trở ra biển) lấy mực nước thiết kế: $Z_{hl} = +1,20$ m. Một số vị trí điều chỉnh thấp hơn để phù hợp với hiện trạng hạ tầng kỹ thuật theo hướng thích ứng.

- Đối với các cửa xả còn lại chảy ra các sông: Mực nước hạ lưu được lấy từ kết quả mô phỏng mô hình thủy lực tương ứng với tần suất thiết kế $P=20\%$, cụ thể như sau:

- + Sông Cẩm Lệ: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +1,3$ m đến $+2,6$ m.
- + Sông Vĩnh Điện: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +1,3$ m đến $+2,8$ m.
- + Sông Cỏ Cò: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +1,3$ m đến $+1,4$ m.
- + Sông Túy Loan: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +2,7$ m đến $+6,4$ m.
- + Sông Yên: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +2,7$ m đến $+5,5$ m.
- + Sông Cu Đê: Mức nước thiết kế $Z_{hl} = +1,2$ m đến $+6,6$ m.

6. Quy hoạch cao độ nền

Quy hoạch san nền được chia thành 5 khu vực theo đặc điểm địa hình và hướng thoát nước bao gồm: Khu vực trung tâm, khu vực Tây Bắc, khu vực phía Đông, khu vực phía Nam và khu vực Hòa Vang.

a) Khu vực trung tâm: Giới hạn bởi các tuyến đường Cách Mạng Tháng 8, Trường Chinh, sông Phú Lộc, sông Hàn và Vịnh Đà Nẵng. Tổng diện tích lưu vực khoảng 4.379 ha.

Cao độ nền xây dựng tối thiểu $Z = +1,75$ m. Khu vực công viên cây xanh có cao độ san nền tối thiểu $Z = +1,90$ m.

b) Khu vực Tây Bắc: Giới hạn bởi đường Trường Chinh, sông Phú Lộc, vịnh Đà Nẵng và dãy núi Phước Tường, Hải Vân. Tổng diện tích lưu vực khoảng 5.540 ha.

Cao độ san nền tối thiểu đất xây dựng $Z = +2,46$ m. Khu vực công viên cây xanh có cao độ san nền tối thiểu $Z = +1,59$ m.

c) Khu vực phía Đông: Giới hạn bởi dải bờ biển phía Đông, sông Hàn và sông Cỏ Cò, tỉnh Quảng Nam (cũ) và núi Sơn Trà. Tổng diện tích lưu vực khoảng 3.235 ha.

Cao độ san nền tối thiểu đất xây dựng $Z = +2,0$ m. Khu vực công viên cây xanh có cao độ san nền tối thiểu $Z = +1,90$ m.

d) Khu vực phía Nam: Giới hạn bởi các sông: Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Cỏ Cò và tỉnh Quảng Nam (cũ). Tổng diện tích lưu vực khoảng 3.270 ha.

Cao độ san nền tối thiểu đất xây dựng $Z = +3,0$ m. Khu vực công viên cây xanh có cao độ san nền tối thiểu $Z = +3,1$ m.

e) Khu vực Hòa Vang: Giới hạn bởi đường vành đai phía Tây, đường ranh giới với các khu vực Tây Bắc, trung tâm, phía Nam của đô thị Đà Nẵng.

Cao độ san nền tối thiểu đất xây dựng $Z = +4,86$ m. Khu vực công viên cây xanh có cao độ san nền tối thiểu $Z = +4,2$ m.

Giải pháp xây dựng kè ven các sông tần suất $P=1\%$, cụ thể như sau:

- Sông Hàn: Cao trình đỉnh kè từ 2,1 m đến 3,5 m.
- Sông Cẩm Lệ: Cao trình đỉnh kè từ 3,5 đến 6,3m.
- Sông Túy Loan: Cao trình đỉnh kè từ 6,3 đến 10,6m.

- Sông Yên: Cao trình đỉnh kè từ 6,3 m đến 7,9 m.
- Sông Vĩnh Điện: Cao trình đỉnh kè từ 3,8 m đến 6,2 m.
- Sông Cổ Cò: Cao trình đỉnh kè từ 3,5 m đến 3,7 m.

7. Quy hoạch thoát nước mặt

Thành phố Đà Nẵng (cũ) là thành phố đồng bằng ven biển có cao độ trung bình khu vực đã phát triển đô thị từ $2,5 \div 6,0\text{m}$, nhìn chung thuận lợi về thoát nước. Hướng thoát nước của thành phố hiện đổ ra sông, biển và được chia thành 5 khu vực, cụ thể:

a) Khu vực phía Đông: Hướng thoát nước chính của khu vực này là các tuyến thoát nước chạy theo hướng Đông - Tây với khoảng 52 cửa xả chính thoát nước ra sông Hàn, sông Cổ Cò và ra biển Đông, bố trí 1 trạm bơm nước mưa K20.

b) Khu vực trung tâm: Khu vực này có hướng thoát nước chính theo hướng Tây Nam - Đông Bắc ra Vịnh Đà Nẵng và sông Hàn, sông Cẩm Lệ với khoảng 65 cửa xả chính. Các hồ điều tiết bao gồm: Thạc Gián, Vĩnh Trung, Khuê Trung, Bàu Gia Thượng, Bàu Gia Hạ, Phong Bắc, Phần Lăng, Xuân Hà A, Công viên 29/3, Bàu Trảng để điều tiết lưu lượng. Bố trí 4 trạm bơm nước mưa gồm: Ông Ích Khiêm, Thuận Phước, Đảo Xanh, Trương Chí Cương, để hỗ trợ thoát nước.

c) Khu vực Tây Bắc: Khu vực này thoát nước theo hướng chính từ Tây Nam - Đông Bắc ra Vịnh Đà Nẵng với khoảng 23 cửa xả chính. Các hồ điều tiết bao gồm: Trung Nghĩa, Hòa Phú, Bàu Sấu, Phước Lý và Bàu Tràm để điều tiết lưu lượng. Bố trí 2 trạm bơm nước mưa gồm: trạm bơm Thanh Huy hiện trạng và đề xuất một trạm bơm mới hỗ trợ thoát nước tại cửa xả ra sông Phú Lộc (nút giao đường Mẹ Nhu và Yên Khê 2).

d) Khu vực Phía Nam: Hướng thoát nước phân tán ra nhiều phía vào các sông: Cẩm Lệ, Vĩnh Điện, Cổ Cò với khoảng 25 cửa xả. Các hồ điều tiết bao gồm: Bá Tùng, Hòa Quý, Cẩm Nam, 05 hồ Hòa Xuân (từ 1 đến 5), Cồn Nong, Hòa Châu.

e) Khu vực Hòa Vang: Hướng thoát nước đổ vào hệ thống thoát nước khu vực Tây Bắc, khu vực trung tâm sau đó thoát ra Vịnh Đà Nẵng, ngoài ra khu vực này thoát ra các sông: sông Yên, sông Túy Loan, sông Cẩm Lệ và sông Vĩnh Điện. Các hồ tham gia điều tiết lưu lượng mưa bao gồm các hồ chính: Trước Đông, Đồng Nghệ, Phước Tréo, Hóc Khế và các hồ khác.

8. Hành lang thoát lũ và cao trình mực nước lũ dọc sông

- Hành lang thoát lũ cho các lưu vực sông thuộc thành phố Đà Nẵng (cũ) được xây dựng theo tần suất $P = 1\%$, $P = 2\%$ (theo bản đồ đính kèm).

- Mực nước lũ dọc sông theo hiện trạng và theo quy hoạch đến năm 2045 được tính toán ứng với các tần suất $P = 1\%$, 2% , 5% , 10% (theo bản đồ đính kèm).

9. Khối lượng đào đắp

Tổng khối lượng đào, đắp sơ bộ: khoảng $133.118.600 \text{ m}^3$.

10. Xác định các dự án ưu tiên

a) Tiêu chí các dự án ưu tiên

- Đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước tại các khu vực đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập úng.
- Xây dựng mới hệ thống thoát nước chính đồng bộ với các dự án đang triển khai đảm bảo phù hợp với quy hoạch.
- Cải tạo các hồ thuộc khu vực đô thị trung tâm và xây dựng quy trình điều tiết cho các hồ để tăng khả năng điều tiết.

b) Danh mục các dự án ưu tiên

(Đính kèm Danh mục các dự án ưu tiên tại Phụ lục).

11. Sơ bộ tổng mức đầu tư

a) Khái toán kinh phí đầu tư

Tổng mức đầu tư để thực hiện các dự án ưu tiên Điều chỉnh Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khoảng 12.016 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn ngân sách (bao gồm vốn ngân sách địa phương và trung ương).
- Nguồn vốn viện trợ không hoàn lại từ các nước, các tổ chức tín dụng quốc tế.
- Nguồn vốn xã hội hóa.
- Các nguồn vốn khác theo quy định pháp luật.

12. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Tác động tích cực đến môi trường

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do thông qua việc xây dựng cao độ nền và hệ thống thoát nước mặt góp phần cải thiện điều kiện môi trường sống của cộng đồng, là tiền đề cho sự phát triển lâu dài và bền vững về điều kiện vệ sinh môi trường.

- Góp phần cải tạo cảnh quan môi trường, giảm thiểu các dịch bệnh do ô nhiễm nguồn nước và tăng cường sức khỏe cho người dân.

b) Dự báo tác động và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch

- Trong quá trình xây dựng cao độ nền và hệ thống thoát nước mặt sẽ ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, xã hội như: không khí, phát sinh tiếng ồn, cản trở giao thông và đời sống sinh hoạt của người dân.

- Trong giai đoạn quản lý vận hành, thoát nước mặt không đảm bảo sẽ dẫn đến ảnh hưởng chất lượng môi trường và nguồn nước.

c) Các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Giải pháp thiết kế, công nghệ hợp lý, hướng tới tái sử dụng, đáp ứng bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng và tái định cư.

- Xây dựng biện pháp thi công hợp lý, các giải pháp hạn chế thấp nhất các tác động đến môi trường; các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển; các biện pháp phòng chống sự cố trong quá trình xây dựng.

- Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch quản lý và giám sát môi trường đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

- Nâng cao năng lực quản lý vận hành hệ thống thoát nước mặt.

- Các biện pháp hỗ trợ khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt phải tổ chức công bố công khai toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch theo quy định; gửi hồ sơ quy hoạch cho các cơ quan liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch.

- Cùng với đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về pháp lý và tính chính xác của các số liệu, tài liệu, dữ liệu làm căn cứ lập đồ án và kết quả tính toán nêu trong đồ án quy hoạch.

2. Giao Sở Xây dựng

- Tổ chức triển khai thực hiện và quản lý hiệu quả đồ án quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng, các chương trình, nhiệm vụ theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý hệ thống thoát nước mặt trên địa bàn theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cao độ, thoát nước mặt.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra và xây dựng kế hoạch về quản lý cao độ nền và thoát nước mặt, tham mưu cho UBND thành phố các công tác thoát nước liên quan đến quản lý sông, mương thủy lợi và hành lang thoát lũ.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành hoặc được giao.

4. Giao Sở Tài chính

- Tham mưu UBND thành phố đảm bảo cân đối nhu cầu vốn đầu tư từ ngân sách theo các chương trình, kế hoạch phát triển đã được UBND thành phố phê duyệt, huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước cho các công tác đầu tư và quản lý thoát nước trên địa bàn thành phố.



- Các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành hoặc được giao.

5. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc công bố đồ án Điều chỉnh quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị thành phố Đà Nẵng (cũ) trên các kênh thông tin đại chúng của Đà Nẵng.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện giải pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thoát nước, xây dựng chương trình truyền thông phổ biến tầm quan trọng của việc cảnh báo ngập úng, ngập lụt đô thị.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định hiện hành hoặc được giao.

6. Các Sở, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ cập nhật nội dung đồ án quy hoạch để quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo quy định của nhà nước.

7. UBND các xã, phường và đặc khu

- Tổ chức triển khai thực hiện và quản lý hiệu quả đồ án quy hoạch theo phân cấp và chức năng nhiệm vụ.

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, quản lý hệ thống thoát nước mặt trên địa giới hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cao độ, thoát nước mặt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và đặc khu; Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng; Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng thủy lợi - thủy điện Bình Định và Trung tâm Quy hoạch và kiểm định xây dựng; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Xây dựng;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, ĐTĐT, SXD.

9/11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Nam

Phụ lục
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3674/QĐ-UBND ngày 17 / 8 /2026 của
UBND thành phố Đà Nẵng)

1. Các hạng mục hồ điều tiết

STT	Hồ	Diện tích hồ (m ²)
1	Hồ Khuê Trung (Đò Xu)	67.108
2	Hồ Thạc Gián	16.322
3	Hồ Vĩnh Trung	15.147
4	Hồ Phước Lý	32.770,8
5	Hồ Hoà Phú	46.274,7
6	Hồ Trung Nghĩa 1	30.477
7	Hồ Trung Nghĩa 2	27.115,4
8	Hồ Công viên 29/3	107.656
9	Hồ Xuân Hòa A	47.572,8
10	Hồ Bàu Vàng và Bàu Sấu	8.968 và 21.262
11	Cụm hồ sân bay phía Nam	127.600
12	Cụm hồ sân bay phía Bắc	100.000
13	Hồ Kim Lăng	260.000
14	Hồ Bàu Gia Thượng và Bàu Gia Hạ	50.000 và 71.700
15	Hồ Bàu Trắng	19.000
16	Hồ Hoàng Văn Thái (cạnh đường Phạm Thị Lam Anh)	100.000
17	Hồ Ba Sen Vàng (hồ K5)	10.072
18	2 hồ khu vực Thanh Vinh	21.000 và 73.000
19	Hồ Đà Sơn (đầu tư đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khu vực theo quy hoạch)	36.102

2. Các dự án thoát nước khu vực Trung tâm giai đoạn 2025 - 2030

STT	Tuyến cống	Khẩu độ (m)	Chiều dài (m)
01	Tuyến cống hai bên đường Ông Ích Khiêm từ đường Nguyễn Văn Linh về đường Hải Phòng	B x H = (1,4 ÷ 2,0) x 1,0	1020
02	Tuyến cống dưới đường Ông Ích Khiêm từ đường Hải phòng đến đường Nguyễn Tất Thành	B x H = 1,8 x (1,2 ÷ 1,5)	1.025
03	Tuyến cống từ Hồ Xuân Hòa A ra đến Vịnh Đà	n x [B x H] =	1.145

STT	Tuyến cống	Khẩu độ (m)	Chiều dài (m)
	Năng	$2 \times [(3,5 \div 4,0) \times 1,5]$	
04	Tuyến cống từ hồ Thạc Gián - Hoàng Hoa Thám – Hải Phòng – Ông Ích Khiêm	$B \times H = (1,8 \div 2,2) \times (0,8 \div 1,2)$	1.515
05	Tuyến cống hai bên đường Quang Trung	$B \times H = 0,8 \times 1,0$	744
06	Tuyến cống K383 Núi Thành	$B \times H = (1,5 \div 2,0) \times 1,2$	447
07	Tuyến cống đường Lê Thanh Nghị (nút 58 - 59)	$B \times H = 2,0 \times 1,5$	175
08	Tuyến cống hồ Thạc Gián - hồ 29/3	$B \times H = 2,0 \times 1,2$	430
09	Tuyến kênh hồ Ba Sen Vàng (hồ K5) - tuyến cống Nguyễn Dữ (đi trong sân bay)	$B \times H = 2,5 \times 2,5$	850
10	Mở rộng Cầu Lò Vôi	$B \times H = 18,0 \times 4,0$	70
11	Mở rộng Cầu Bản (Kênh Nguyễn Nhân - kênh Phong Bắc)	$B \times H = 14,6 \times 5,0$	30
12	Nâng cấp mở rộng các cầu dọc tuyến kênh: cầu qua các đường Thanh Nghị, Trần Triệu Luật, Hoàng Thị Loan, Nguyễn Xí; cầu Đa Cô		

3. Các dự án thoát nước khu vực Tây Bắc giai đoạn 2025 – 2030

STT	Tuyến cống	Khẩu độ (m)	Chiều dài (m)
01	Tuyến cống đường Phùng Hưng ra Vịnh Đà Nẵng	$n \times B \times H = 2 \times [4,0 \times 2,0]$	675
02	Tuyến kênh dọc đường số 4	$B \times H = 26,0 \times 2,5$	2.150
03	Nâng cấp mở rộng các cầu dọc tuyến kênh: đường sắt nối hai hồ Trung Nghĩa 1 và Trung Nghĩa 2;	$n \times B \times H = 2 \times [6 \times 4]$	15
04	Tuyến kênh từ Hoàng Văn Thái - hồ Hoà Phú (từ hình thang sang hình chữ nhật)	$B = 20$	1.150
05	Tuyến kênh hạ lưu hồ Hoà Phú - kênh Hòa Minh (từ hình thang sang hình chữ nhật)	$B = 17,55$	1.100
06	Tuyến kênh hạ lưu hồ Trung Nghĩa (từ hình thang sang hình chữ nhật)	$10,67 \times 3,65$	523

Lưu ý: Số liệu diện tích, khẩu độ, cao độ và chiều dài có thể điều chỉnh tại các Quy hoạch cấp dưới, dự án cho phù hợp với lưu vực, khớp nối hạ tầng kỹ thuật hiện trạng,... theo thực tế.